

Bản tin chứng khoán

Trong số này

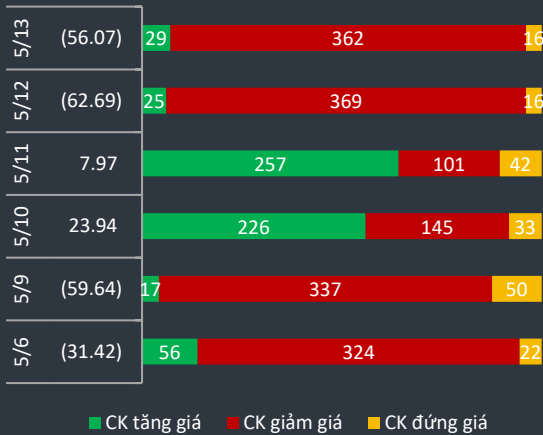
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường

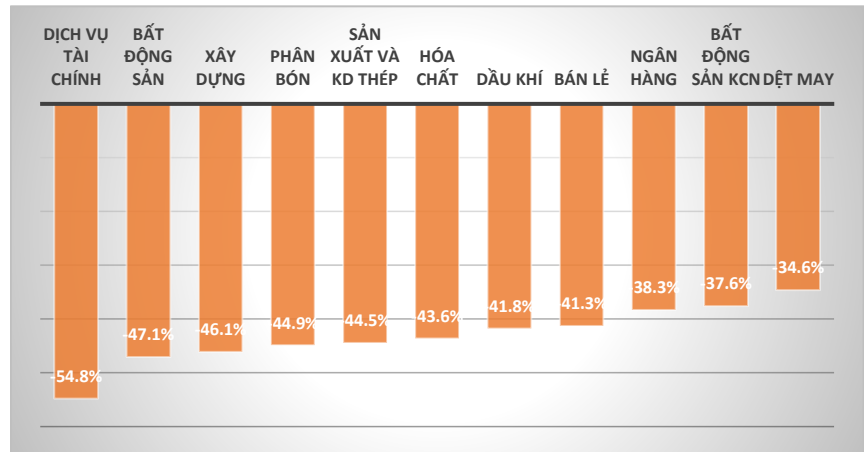


Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

FUEVFNVD	578.8
VNM	88.9
CTG	67.7
VRE	54.1
DGC	49.0
SSI	26.5
VND	22.9
VCI	22.6
MSN	20.8
BVH	19.0
DIG	18.9
DXG	(27.7)
SAB	(29.5)
NVL	(32.1)
VHM	(38.7)
KBC	(42.1)
VCB	(45.8)
STB	(74.3)
HPG	(211.2)

Thị trường phiên cuối tuần tiếp tục có phiên sụt mạnh thêm 56 điểm và chính thức lùi về ngưỡng 1182. Mốc 1200 điểm trở thành điểm mốc mang nhiều dấu ấn lịch sử là lặp lại trong 3 lần từ năm 2007 đến nay. Nếu như năm 2007 và 2018 thì mốc 1200 có định giá có phần khá xa giá trị thật thì năm nay ngưỡng 1200 lại có mức định giá tương đối rẻ hơn với PE thị trường chung hiện quanh 12-13.

Một thống kê ở năm 2018 khi chỉ số Vnindex rơi cũng 24% từ 1200 về quanh 900 thì PE thị trường cũng dao động quanh ngưỡng 12. Sau hai nhịp sóng giảm mạnh từ 1530 về 1300 sau đó tạo đáy thứ hai xuống dưới 1180 thì định giá chung cổ phiếu trên sàn trở nên hấp dẫn hơn, thậm chí là so với thời điểm 2018.



Tính từ đỉnh giá, nhóm cổ phiếu chứng khoán đã giảm trung bình -55%, và nhóm ngành giảm ít nhất là điện, nước giảm trung bình -17%.

Cổ phiếu chứng khoán hiện có hơn 1/2 số cổ phiếu có PE dưới 6. Một số cổ phiếu đầu ngành như SSI, VCI, HCM, CTS có PE dưới 10. Dù không thăng hoa như năm 2021 nhưng lợi nhuận chung Quý 1 của nhóm công ty chứng khoán vẫn tăng trưởng khá ở mức 34% nhờ hoạt động môi giới vẫn giữ nhịp tăng trưởng tốt. Quý 2 có thể tiếp tục khó khăn và lợi nhuận có thể kém hơn Q1 nhưng nếu so với cùng kỳ cũng sẽ vẫn tăng trưởng.

Vnindex 1182.77

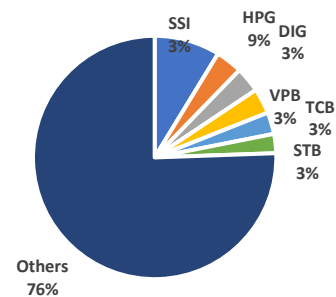
▼ -56.07 (-4.53%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VJC	125.9	1.1	0.88
SSI	25.8	-	-
NVL	75.0	(0.3)	(0.40)
VNM	66.1	(0.4)	(0.60)
VIC	78.0	(1.0)	(1.27)
VHM	68.0	(0.9)	(1.31)
SAB	162.7	(2.2)	(1.33)
FPT	93.6	(2.0)	(2.09)
DHG	94.0	(2.5)	(2.59)
PLX	37.4	(1.3)	(3.24)
HDB	22.2	(0.8)	(3.27)
PNJ	97.5	(3.6)	(3.56)
CTG	23.9	(1.1)	(4.40)
TPB	30.0	(1.6)	(5.06)
VCB	73.0	(4.0)	(5.19)
GAS	100.0	(5.6)	(5.30)
BID	31.8	(1.8)	(5.36)
VRE	25.3	(1.6)	(5.95)
PDR	53.6	(3.4)	(5.96)
MBB	24.1	(1.6)	(6.04)
HPG	35.9	(2.4)	(6.14)
HVN	17.8	(1.3)	(6.58)
VPB	29.0	(2.1)	(6.75)
ACB	27.5	(2.0)	(6.78)
STB	20.5	(1.5)	(6.83)
TCB	33.8	(2.5)	(6.89)
REE	81.0	(6.0)	(6.90)
POW	11.5	(0.9)	(6.91)
MSN	96.9	(7.2)	(6.92)
MWG	125.1	(9.3)	(6.92)
BVH	50.7	(3.8)	(6.97)
BCM	73.3	(5.5)	(6.98)
VIB	25.3	(1.9)	(6.99)
GVR	21.3	(1.6)	(6.99)



GTGD



Ở cổ phiếu ngân hàng, Nếu như đầu năm mức định giá chung P/bv trên 2 thì hiện tại chỉ còn khoảng 1.5 do lợi nhuận cổ phiếu ngân hàng tăng trưởng 30% quý 1 và giá đã điều chỉnh gần 40% kể từ đỉnh. Phiên thứ 6 thị trường bị rơi mạnh hơn dự đoán một phần do tác động từ phiên đảo hạn thị trường phái sinh. Về các chỉ báo phân tích kỹ thuật thì thị trường vẫn chưa chính thức tạo đáy nhưng mức đáy thấp nhất cũng không quá xa so với hiện tại.

Chỉ số Vnindex đã điều chỉnh khoảng 22% kể từ đỉnh và định giá nhiều cổ phiếu đã ở vùng hấp dẫn hơn cho việc đầu tư trung và dài hạn. Ở thời điểm hiện tại nhà đầu tư nên hướng đến việc lựa chọn cổ phiếu thích hợp và xác định vùng giá có thể chấp nhận được để tích lũy và có thể không quá quan trọng đến xu hướng thị trường. Nếu thị trường điều chỉnh càng sâu thì cơ hội mua vào cổ phiếu giá rẻ càng nhiều hơn. Không phải cổ phiếu nào khi thị trường đảo chiều cũng đều tăng mạnh vì vậy việc ứng xử với từng loại cổ phiếu có thể khác nhau. Điều chung nhất vẫn là việc quản trị rủi ro tài sản cần luôn đề cao trong giai đoạn hiện tại.

Cổ phiếu quan tâm: BID, TCB, STB, OCB, VND, SSI, VCI, HPG, FPT, MWG, DGW, HAH, DGC, DIG, PNJ, TNG, DPM, VHC.

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Nước	0.99
Y tế	(2.33)
Hàng & Dịch vụ...	(2.85)
Thực phẩm và đồ...	(2.91)
Truyền thông	(2.91)
Điện	(3.59)
Vật liệu xây dựng	(3.62)
Vận tải - Logistics	(3.66)
Công nghệ Thông tin	(3.71)
Viễn thông	(3.81)
Bảo hiểm	(3.85)
Ô tô và phụ tùng	(3.99)
Hàng cá nhân & Gia...	(4.01)
Du lịch và Giải trí	(4.02)
Dầu khí	(4.24)
Cao su	(4.25)
Đệt May	(4.85)
Thủy sản	(4.92)
Tài nguyên Cơ bản	(5.00)
Khoáng sản	(5.15)
Sản xuất và KD Thép	(5.19)
Bao bì	(5.19)
Hóa chất	(5.25)
Bất động sản KCN	(5.43)
Bất động sản	(5.54)
Xây dựng	(5.68)
Ngân hàng	(5.83)
Dịch vụ tài chính	(5.83)
Phân bón	(6.19)
Bán lẻ	(6.54)

VIB - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Ngày 16/5 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 35% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 35 cổ phiếu), tương đương VIB sẽ phát hành thêm hơn 543 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

D2D - CTCP Phát triển đô thị công nghiệp số 2 - Ngày 9/5, HĐQT đã có quyết định chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 35%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 24/5/2022 và thanh toán bắt đầu từ ngày 02/6/2022.

TNT - CTCP Tập đoàn TNT – Đã thông qua chủ trương chấm dứt việc thực hiện và thanh lý hợp đồng nhận chuyển nhượng 84 lô đất của CTCP Đầu tư xây dựng Bất động sản Trí Nguyễn.

VSC - CTCP Tập đoàn Container Việt Nam – Đã thông qua việc triển khai phát hành hơn 11,02 triệu cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ 10 :1. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2022.

BMP - CTCP Nhựa Bình Minh - Ngày 11/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 12/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 13,5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 13/6/2022.

APH, AAA - Tập đoàn An Phát và Nhựa An Phát Xanh - Đã ra nghị quyết đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu của Nhựa Hà Nội (NHH) trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1. An Phát sẽ mua vào thêm 8,03 triệu đơn vị để giữ nguyên tỷ lệ sở hữu 22,06% vốn của Nhựa Hà Nội còn Nhựa An Phát Xanh sẽ mua thêm 16,28 triệu đơn vị để giữ nguyên tỷ lệ sở hữu 44,69% vốn.

GEX - CTCP Tập đoàn Gelex - Điều chỉnh tờ trình từ không chia cổ tức năm 2021 sang chia với tỷ lệ 5%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận được 500 đồng. Như vậy, ước tính công ty sẽ phải trả tổng cộng là 425,7 tỷ đồng trong lần chia cổ tức này.

KSB - Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương - Năm 2022 với kế hoạch doanh thu 1.200 tỷ đồng, tăng 20%; lãi sau thuế 280 tỷ đồng, tăng 10,7% so với thực hiện năm trước.

Ngoài kế hoạch kinh doanh, HĐQT Công ty KSB Bimico cũng trình phương án chào bán 38,1 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện 50% với giá 16.000 đồng/ cổ phiếu. Thời điểm thực hiện trong quý II đến quý IV năm nay.

Ngoài ra, công ty cũng dự kiến phát hành 35 triệu cổ phiếu riêng lẻ, giá chào bán 25.000 đồng/cổ phiếu. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm. Thời điểm thực hiện trong năm 2022 hoặc quý I/2023.

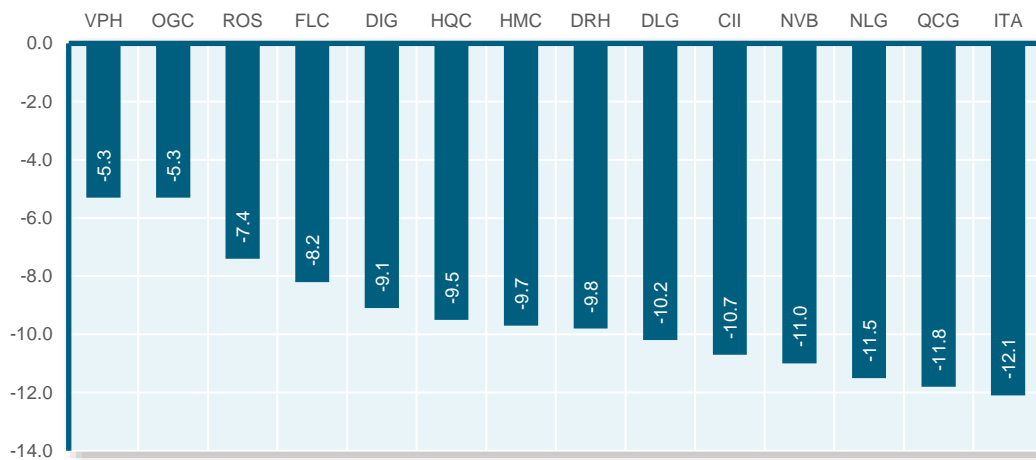


Tổng hợp kết quả kinh doanh theo ngành

Ngành	Số DN	Doanh thu Q1.2021	Doanh thu Q1.2022	% doanh thu	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi nhuận Q1.2022	% tăng trưởng LN
Ngân hàng	27	82,357	98,086	19.1%	41,478	54,098	30.4%
Bất động sản	72	62,697	46,729	-25.5%	11,746	10,415	-11.3%
Sản xuất và KD Thép	26	75,320	108,404	43.9%	8,886	9,967	12.2%
Dầu khí	22	103,834	173,495	67.1%	4,931	6,670	35.3%
Thực phẩm và đồ uống	70	60,283	62,634	3.9%	3,610	6,027	67.0%
Phân bón	13	10,388	20,483	97.2%	225	4,815	2036.3%
Điện	41	27,534	36,471	32.5%	2,462	4,799	94.9%
Dịch vụ tài chính	40	10,466	14,040	34.2%	3,532	4,743	34.3%
Vận tải - Logistics	69	19,671	23,903	21.5%	2,550	3,333	30.7%
Xây dựng	101	32,978	32,205	-2.3%	1,883	3,216	70.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58	16,670	23,388	40.3%	2,502	2,930	17.1%
Bất động sản KCN	21	12,803	12,523	-2.2%	2,634	2,926	11.1%
Bán lẻ	20	52,675	65,406	24.2%	1,753	2,084	18.9%
Hóa chất	25	14,070	21,084	49.9%	798	2,022	153.4%
Vật liệu xây dựng	39	11,623	14,340	23.4%	1,188	1,604	35.0%
Thủy sản	25	13,681	17,157	25.4%	494	1,481	199.5%
Công nghệ Thông tin	17	9,847	12,189	23.8%	954	1,465	53.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	25	14,084	17,789	26.3%	1,038	1,380	33.0%
Bảo hiểm	12	15,510	17,666	13.9%	1,230	1,341	9.0%
Dệt May	20	11,400	15,588	36.7%	531	823	55.0%
Y tế	34	10,474	9,339	-10.8%	606	735	21.4%
Nước	49	5,118	5,419	5.9%	727	647	-11.1%
Tài nguyên Cơ bản	20	7,246	8,491	17.2%	481	490	1.9%
Du lịch và Giải trí	30	7,525	8,365	11.2%	113	411	263.8%
Khoáng sản	25	13,545	19,506	44.0%	(79)	366	-563.3%
Ô tô và phụ tùng	11	9,478	11,218	18.4%	289	318	9.8%
Truyền thông	27	896	909	1.5%	181	180	-0.7%
Cao su	13	1,154	1,211	5.0%	175	161	-7.6%
Bao bì	16	5,719	8,100	41.6%	125	128	2.0%
Xây dựng và Vật liệu	51	5,031	4,506	-10.4%	27	48	76.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	1,796	2,599	44.7%	29	28	-2.0%
Tổng	1024	725,871	913,243	25.8%	97,099	129,650	33.5%



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	% so với đầu năm	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	27.5	-20.1%	6,142,600	6.8	1.5	300,000	300,000	4,022	17,840
BID	HOSE	31.8	-15.0%	2,353,900	12.2	1.9	495,700	200,900	2,615	17,066
CTG	HOSE	23.9	-31.3%	8,034,400	8.7	1.2	3,612,900	780,200	2,739	20,454
EBB	HOSE	31.3	-7.7%	209,200	26.7	2.1	44,400	8,700	1,172	15,006
HDB	HOSE	22.2	-28.6%	4,888,300	6.3	1.4	891,600	376,400	3,506	16,306
LPB	HOSE	13.0	-36.2%	11,020,700	4.4	0.9	273,000	5,200	2,933	14,712
MBB	HOSE	24.1	-17.2%	16,132,200	6.1	1.4	4,719,900	4,726,600	3,933	17,750
MSB	HOSE	18.2	-35.9%	2,657,500	5.6	1.2	-	-	3,231	15,132
OCB	HOSE	17.3	-38.2%	4,026,500	5.4	1.1	94,900	20,600	3,206	16,404
SHB	HOSE	12.8	-43.1%	16,984,900	4.4	0.9	577,100	50,700	2,913	14,181
SSB	HOSE	34.7	-18.3%	1,654,600	15.0	2.5	1,400	10,400	2,304	13,611
STB	HOSE	20.5	-36.3%	22,537,200	11.0	1.1	2,437,000	6,072,100	1,856	18,174
TCB	HOSE	33.8	-33.6%	15,203,300	6.2	1.2	1,717,200	1,717,200	5,458	28,080
TPB	HOSE	30.0	-29.9%	3,558,200	7.4	1.7	734,100	495,400	4,079	17,310
VCB	HOSE	73.0	-7.6%	1,963,600	12.4	2.5	680,400	1,307,660	5,910	29,421
VIB	HOSE	25.3	-47.0%	1,756,000	5.4	1.5	-	-	4,651	16,748
VPB	HOSE	29.0	-19.4%	20,466,800	5.6	1.4	124,000	134,000	5,135	21,416
BAB	HNX	18.7	-18.0%	13,000	38.3	1.5	-	-	1,021	12,279
NVB	HNX	33.1	0.3%	11,100	-	4.3	-	3,100	3	7,695
VBB	UPCOM	11.0	-42.4%	18,200	10.3	0.9	-	-	1,068	12,202
VAB	UPCOM	10.1	-31.8%	692,500	9.3	0.8	1,300	-	1,902	12,443
SGB	UPCOM	13.1	-29.6%	28,400	-	1.1	-	-	540	12,308
PGB	UPCOM	20.4	-39.3%	103,700	20.5	1.4	-	-	997	14,272
NAB	UPCOM	14.4	-27.3%	209,200	-	-	-	-	3,247	17,329
KIB	UPCOM	30.0	17.6%	1,500	29.1	2.3	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	12.2	-47.0%	981,300	16.8	0.9	-	-	725	13,020
ABB	UPCOM	10.6	-35.4%	2,531,300	4.3	0.6	100	-	2,491	12,860
				144,180,100	10.60	1.52	16,709,000	16,199,160	2,692	16,197



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TPC	HOSE	24/05/2022	25/05/2022	27/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BTW	HNX	19/05/2022	20/05/2022	20/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PPP	HNX	19/05/2022	20/05/2022	20/06/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GER	UPCoM	19/05/2022	20/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	VGG	UPCoM	19/05/2022	20/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	REE	HOSE	17/05/2022	18/05/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	SED	HNX	13/05/2022	16/05/2022	8/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	INN	HNX	12/5/2022	13/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	VNX	UPCoM	12/5/2022	13/05/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VDT	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TDW	HOSE	11/5/2022	12/5/2022	26/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	HHR	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	GMH	HOSE	10/5/2022	11/5/2022	31/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	BAF	HOSE	9/5/2022	10/5/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:45	Phát hành thêm
15	BAF	HOSE	9/5/2022	10/5/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:39	Thưởng cổ phiếu
16	VGL	UPCoM	9/5/2022	10/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	BAX	HNX	9/5/2022	10/5/2022	11/8/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TET	HNX	9/5/2022	10/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	DHA	HOSE	9/5/2022	10/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FMC	HOSE	9/5/2022	10/5/2022	26/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PHS	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	6/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 480 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DRL	HOSE	6/5/2022	9/5/2022	18/05/2022	Trả cổ tức đợt 4/2021 bằng tiền, 2,273 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	AGP	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	19/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	VLA	HNX	6/5/2022	9/5/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:85	Thưởng cổ phiếu
25	NDW	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	20/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 320 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	CAB	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	9/6/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 540 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	HRB	UPCoM	5/5/2022	6/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	PSC	HNX	5/5/2022	6/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931